

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 16 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày					
			20,000	287	5,740,000
Được chi trong ngày					5,740,000
Đã chi trong ngày					5,740,000
1. Dịch vụ					430,500
1	chất đốt		1,500	287	430,500
2			0	83	0
2. Kho					973,430
 Ăn chính					973,430
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	27.1	420,050
2	Dầu lạc	Kg	120,000	1.5	180,000
3	Đường kính	Kg	32,500	2	65,000
4	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.6	44,400
5	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
6	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.49	30,380
7	Dầu simply	Lít	68,000	3.2	217,600
3. Đi chợ					4,336,070
 Ăn chính					4,336,070
1	Cà chua	Kg	30,000	3	90,000
2	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.3	10,500
3	Rau mùi tàu	Bó	1,000	0.52	520
4	Rau dền	Kg	20,000	2.7	54,000
5	Rau mồng tơi	Kg	20,000	4	80,000
6	Tỏi	Kg	50,000	0.2	10,000
7	Thịt bò loại I	Kg	240,000	2	480,000
8	Tôm biển	Kg	170,000	3	510,000
9	Đậu Phụ	Kg	25,000	11	275,000
10	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
11	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	8.7	1,131,000
12	Bầu xanh	Kg	15,000	15	225,000
13	Sữa chua	Ổng	5,000	287	1,435,000
14	Rau mùi	Bó	1,000	0.05	50
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo